

# SHARED BICYCLE AND PEDESTRIAN STATION

## Estación compartida de peatones y bicicletas

## Trạm dừng chung cho xe đạp và người đi bộ

## 共用自行车和步行站

## Станция для велосипедистов и пешеходов

### WALKING PATH

Camino a pie  
Đường đi bộ  
歩行道  
Пешеходная дорожка

### BICYCLE STOP SIGN

Señal de alto para ciclistas  
Biển báo dừng xe đạp  
自行车停车志  
Знак остановки для велосипедов

### UTILITY CABINET

Armario de servicios  
Tủ kỹ thuật  
用品柜  
Коммунальный отсек

### BUS STATION MARKER

Marcador de estación de bus  
Biển báo bến xe buýt  
公交车站  
Маркер автобусной остановки

### PLATFORM

Plataforma  
Nền tảng  
平台  
Платформа

DELINEATED DETECTABLE SURFACE (9" platform height only)  
Superficie Percipible Delineada (solamente de altura de la plataforma de 9")  
Bề mặt Có thể phát hiện Phức họa (nền cao chỉ 9")  
描繪的可檢測表面 (僅限9"平臺高度)  
Поверхность с нанесенной разметкой (только для платформы высотой 9")

### SHELTER

Refugio  
Nhà chờ có mái che  
庇護所  
Навес

### AMENITIES

Comodidades  
Tiện nghi  
設施  
Удобства

### FREE-STANDING SIGN

Señal vertical  
Bảng hiệu đứng  
自由站立的志  
Отдельно стоящий знак

### RAMPS

Rampas  
Dốc cho xe lăn  
坡道  
Трапы

### BACK DOOR

Puerta trasera  
Cửa sau  
後門  
Задняя дверь

### MIDDLE DOOR

Puerta intermedia  
Cửa giữa  
中門  
Средняя дверь

### ACCESSIBLE WAITING AREA

Área de espera accesible  
Khu vực chờ có lối vào cho người khuyết tật  
可達等候區  
Зона ожидания с подходами

### BUFFERED STEP-OUT AREA

Área de paso de búfer  
Khu vực đệm bước ra ngoài  
緩衝步出區  
Буферная отдаленная зона

### FRONT DOOR

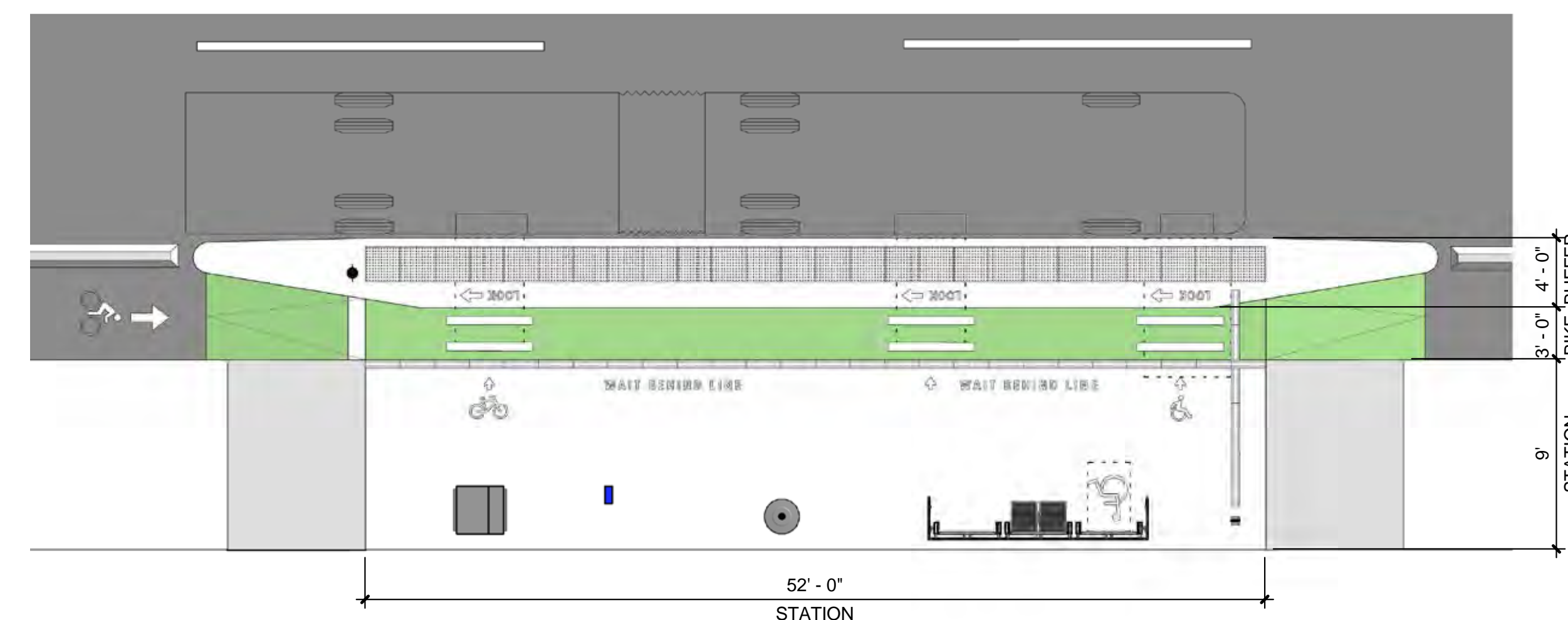
Puerta principal  
Cửa trước  
前門  
Передняя дверь

### DIRECTIONAL PAVER

Adoquín direccional  
Gạch lát vỉa hè mang tính chỉ báo  
定向机  
Брусчатка с указанным направлением движения

### PLAN

Plan  
Quy hoạch  
計劃  
План



### PERSPECTIVE

Perspectiva  
Phối cảnh  
遠景  
Перспектива

